

Bản án số: 03 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 01- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Minh Côn; Ông Nguyễn Quang Hợp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vi Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2022/TLST - HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1957(tên gọi khác: Nguyễn Thị Đ) - Có mặt

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm S(nay là xóm 11), xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Ngô Văn Ch, sinh năm 1939 - Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm C, xã K, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh Đ trình bày: Tôi kết hôn với ông Ngô Văn Ch năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Trước khi tôi và ông Ch đến với nhau, chúng tôi đều đã có gia đình riêng và con riêng nên gia đình không tổ Ch cưới hỏi linh đình mà chỉ làm một mâm cơm gia đình nho nhỏ. Sau khi cưới, tôi về ở cùng gia đình ông Ch ngay không mang theo tài sản gì ngoài đồ dùng cá nhân. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009, vì hoàn cảnh gia đình, con dâu tôi đẻ, với trách nhiệm của một người mẹ, một người bà, tôi đã theo các con riêng của tôi về nhà để tiện chăm sóc con cháu. Ông Ch không có ý kiến gì, cũng không có ý gọi tôi về. Vợ chồng sống ly thân và không liên lạc với nhau từ

năm 2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai và chấm dứt mọi quan hệ. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Ngô Văn Ch.

Về con chung: Khi vợ chồng tôi đến với nhau, hai bên đều đã có con riêng, tuổi tác cũng đã cao nên vợ chồng tôi không có con chung.

Về tài sản: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có tài sản cho vay chung.

Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Ngô Văn Ch trình bày: Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị Anh Đ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ Ch cưới hỏi. Sau ngày cưới, chị Đ về ở cùng gia đình tôi ngay, không mang theo tài sản gì ngoài đồ dùng cá nhân. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có cãi vã. Đến năm 2011, chị Đ lấy lý do trông con trông cháu nên bỏ nhà đi, thỉnh thoảng chị Đ về nhà rồi lại đi ngay. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ chị Đ về cùng chung sống, chăm sóc lẫn nhau do chúng tôi đều đã có tuổi nhưng chị Đ không nghe. Chị Đ vẫn bỏ đi không về nhà. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Đ xin ly hôn tôi không nhất trí nhưng tôi cũng không có phương án nào để khuyên nhủ, thuyết phục chị Đ về vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị Đ kiên quyết xin ly hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và chị Đ không có con chung.

Về tài sản: Tôi và chị Đ không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có tài sản cho vay chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đ vẫn giữ nguyên đề nghị xin ly hôn với ông Ch, về con chung và tài sản: Không có nên bà không ý kiến gì. Ông Ch vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Đ giao nộp gồm: 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Anh Đ (bản sao), 01 Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Nguyễn Thị Anh Đ (bản sao), 01 Trích lục kết hôn mang tên Nguyễn Thị Đ và Ngô Văn Ch và 01 Đơn xin xác nhận của Nguyễn Thị Anh Đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho bà Nguyễn Thị Anh Đ (Nguyễn Thị Đ) được ly hôn ông Ngô Văn Ch.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

+ Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Anh Đ.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông Ch vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt do ông tuổi cao, đi lại khó khăn nên không thể tiến hành hòa giải được, do đó phải đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Ngô Văn Ch cư trú tại xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa ông Ngô Văn Ch vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Ch là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Anh Đ và ông Ngô Văn Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì bà Đ xác định do cuộc hôn nhân của bà và ông Ch hai bên đều đã có gia đình riêng trước đó nên bà cho rằng vì trách nhiệm của người mẹ, người bà nên bà Đ đã về nhà con để chung sống và chăm sóc cháu, tuy nhiên từ khi bà về thì ông Ch cũng không hỏi thăm, động viên và khuyên nhủ bà nên cuộc sống vợ chồng xa cách, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Phía ông Ch xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên năm 2011 bà Đ lấy lý do trông con cháu nên bỏ nhà đi, thỉnh thoảng bà có về nhà, tuy nhiên sau đó lại đi ngay, ông cũng khuyên bảo bà nhiều lần về việc bà về chung sống cùng ông để cùng chăm sóc nhau nhưng bà không nhất trí, nay bà Đ làm đơn xin ly hôn ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn bà về đoàn tụ, tuy nhiên ông không có phương án nào hòa giải, thuyết phục bà quay về đoàn tụ, tại phiên tòa ông vắng mặt và có ý kiến xin xét xử vắng mặt do tuổi cao, đi lại khó khăn.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Đ và ông Ch đã mâu thuẫn trầm trọng, ông bà đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2011 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy

định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của bà Đ là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của bà Đ, cho bà Nguyễn Thị Anh Đ được ly hôn ông Ngô Văn Ch là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết bà Đ và ông Ch xác định không có con chung.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết bà Đ, ông Ch xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà Đ là người cao tuổi nên cần miễn án phí ly hôn sơ thẩm bà là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Anh Đ (Nguyễn Thị Đ), cho bà Đ được ly hôn ông Ngô Văn Ch.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

4. Về án phí. Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Anh Đ.

Báo cho bà Đ biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Ch biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Th.báo cho UBND xã K;
- Lưu HD, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đ Ngọc Hải